

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1027 /UBND-TH

Bình Định, ngày 13 tháng 02 năm 2025

V/v báo cáo tình hình vay
lại vốn vay ODA, vay ưu
đãi nước ngoài của Chính
phủ năm 2024

Kính gửi: Bộ Tài chính

Thực hiện Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 của Chính phủ về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài và Nghị định số 79/2021/NĐ-CP ngày 16/8/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài; Thông tư số 80/2018/TT-BTC ngày 28/8/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn mẫu biểu báo cáo về cho vay lại vốn ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ;

Trên cơ sở số liệu tổng hợp của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh Bình Định báo cáo Bộ Tài chính tình hình vay lại nguồn vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ 06 tháng cuối năm và năm 2024 trên địa bàn tỉnh (*chi tiết tại Phụ lục kèm theo Công văn này*).

UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Tài chính xem xét, tổng hợp theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục QLN và TCDN;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- CVP, PVPTH;
- Lưu: VT, K17.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Tuấn Thanh

Cơ quan thực hiện: UBND Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÌNH HÌNH VAY LẠI VỐN VAY ODA, VAY ƯU ĐÃI NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH PHỦ
 Kỳ báo cáo : Từ ngày 01/7/2024 Đến ngày 31/12/2024

Đơn vị: Nguyên tệ

STT	Tên Dự án/Chương trình	Nguồn vốn cho vay lại	Nguyên tệ	Dư nợ đầu kỳ	Dư nợ đầu kỳ quy VND	Rất vốn trong kỳ	Trả nợ trong kỳ					Dư nợ cuối kỳ	Dư nợ cuối kỳ quy VND	Nợ quá hạn				
							Gốc	Lãi	Phí theo HD vay	Phí QLCVL	Cộng			Gốc	Lãi	Phí theo HD vay	Phí QLCVL	Cộng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
1	Dự án Vệ sinh môi trường các thành phố duyên hải	WB	USD	260.562,0	6.319.411.357		23.921,63				23.921,63	236.640,42	5.744.919.416					
2	Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)	WB	USD	1.884.855,36	45.713.397.046		80.884,56	18.848,55			99.733,11	1.803.970,80	43.794.999.112					
3	Dự án Xây dựng cầu dẫn sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP)	WB	USD	2.101.055,47	50.956.898.314		91.485,01	21.010,55		333,83	112.829,39	2.009.570,46	48.786.342.057					
4	Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiêu dự án thành phố Quy Nhơn	WB	USD	7.937.549,41	192.509.385.841	34.231,52	411.707,93	269.269,63	3.810,61	0,00	684.788,17	7.560.073,00	183.535.892.303					
4.1	Nguồn vốn IDA			5.470.577,83	132.677.924.111	35.323,41	411.707,93	186.362,53			598.070,46	5.094.193,31	123.671.731.069					
4.2	Nguồn vốn IBRD			2.466.971,58	59.831.461.730	-1.091,89		82.907,10	3.810,6		86.717,71	2.465.879,69	59.864.161.234					
5	Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số	ADB	USD	7.933.940,97	192.421.870.345	1.958.113,51		246.643,41	10.058,52	9.667,00	266.368,93	9.892.054,48	240.149.406.611					
TỔNG CỘNG																		
	USD			20.117.963,26		1.992.345,03	607.999,13	555.772,15	13.869,13	10.000,83	1.187.641,23	21.502.309,16		-	-	-	-	-

	Tổng quy USD				-	-	-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-
	Tổng quy VND				487.920.962.903		26.755.141.281	14.082.815.689	350.597.973	251.767.346	41.440.322.289	522.011.559.499		-	-	-	-	-
							-	-	-	-	-	-		-	-	-	-	-

Ghi chú:

- Cột 6: Áp dụng tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước do Bộ tài chính công bố tại thời điểm đầu kỳ báo cáo
- Cột 14: Áp dụng tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm cuối kỳ báo cáo

Cơ quan thực hiện: UBND Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÌNH HÌNH NỢ CỦA UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH THEO CHỦ NỢ

Kỳ báo cáo : Từ ngày 01/7/2024 Đến ngày 31/12/2024

Đơn vị: Nguyên tệ

STT	TÊN CHỦ NỢ	Dư nợ đầu kỳ	Dư nợ đầu kỳ quy VND	Dư nợ cuối kỳ	Dư nợ cuối kỳ quy VND	Trong đó, Dư nợ quá hạn cuối kỳ	Dư nợ quá hạn cuối kỳ quy VND
1	2	3	4	5	6	7	8
	Chủ nợ: Ngân hàng thế giới	12.184.022,29	295.499.092.557,72	11.610.254,68	281.862.152.888,14		
1	Dự án Vệ sinh môi trường các thành phố duyên hải	260.562,05	6.319.411.357	236.640,42	5.744.919.416		
2	Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)	1.884.855,36	45.713.397.046	1.803.970,80	43.794.999.112		
3	Dự án Xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP)	2.101.055,47	50.956.898.314	2.009.570,46	48.786.342.057		
4	Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn	7.937.549,41	192.509.385.841	7.560.073,00	183.535.892.303		
	Chủ nợ: Ngân hàng Phát triển Châu Á	7.933.940,97	192.421.870.345,41	9.892.054,48	240.149.406.610,96		
1	Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số	7.933.940,97	192.421.870.345	9.892.054,48	240.149.406.610,96		
	Tổng dư nợ (quy VNĐ)		487.920.962.903		522.011.559.499	0	
	Hạn mức nợ theo quy định (VNĐ)		4.037.866.000.000				

Ghi chú:

- Cột 4: Áp dụng tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước do Bộ tài chính công bố tại thời điểm đầu kỳ báo cáo

- Cột 6: Áp dụng tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm cuối kỳ báo cáo

BÁO CÁO TÌNH HÌNH VAY LẠI VỐN VAY ODA, VAY ƯU ĐÃI NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH PHỦ

Kỳ báo cáo : Từ ngày 01/01/2024 Đến ngày 31/12/2024

Đơn vị: Nguyên tệ

STT	Tên Dự án/Chương trình	Nguồn vốn cho vay lại	Nguyên tệ	Dự nợ đầu kỳ	Dự nợ đầu kỳ quy VND	Rút vốn trong kỳ	Trả nợ trong kỳ					Dự nợ cuối kỳ	Dự nợ cuối kỳ quy VND	Nợ quá hạn				
							Gốc	Lãi	Phí theo HD vay	Phí QLCVL	Cộng			Gốc	Lãi	Phí theo HD vay	Phí QLCVL	Cộng
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
1	Dự án Vệ sinh môi trường các thành phố duyên hải	WB	USD	288.218,7	6.893.903.298		51.578,29				51.578,29	236.640,42	5.744.919,416					
2	Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)	WB	USD	1.965.739,92	47.018.533,146		161.769,12	38.505,95			200.275,07	1.803.970,80	43.794.999,112					
3	Dự án Xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP)	WB	USD	2.192.540,48	52.443.375,741		182.970,02	43.301,38		733,70	227.005,10	2.009.570,46	48.786.342,057					
4	Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn	WB	USD	7.739.745,84	185.126.980,747	233.144,62	412.817,46	370.282,13	5.808,21	0,00	788.907,80	7.560.073,00	183.535.892,303					
4.1	Nguồn vốn IDA			5.272.774,26	126.119.487,525	234.236,51	412.817,46	203.127,51			615.944,97	5.094.193,31	123.671.731,069					
4.2	Nguồn vốn IBRD			2.466.971,58	59.007.493,222	-1.091,89		167.154,62	5.808,2		172.962,83	2.465.879,69	59.864.161,234					
5	Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số	ADB	USD	3.933.940,97	94.095.934,061	5.958.113,51		371.081,25	26.183,82	14.981,09	412.246,16	9.892.054,48	240.149.406,611					
TỔNG CỘNG																		
	USD			16.120.185,92		6.191.258,13	809.134,89	823.170,72	31.992,03	15.714,79	1.680.012,42	21.502.309,16		-	-	-	-	-
	...																	
	Tổng quy USD				-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
	Tổng quy VND				385.578.726,994		31.700.000,000	18.523.205,354	746.796,594	392.308,626	51.362.310,574	522.011.559,499		-	-	-	-	-
							-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-

Ghi chú:

- Cột 6: Áp dụng tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước do Bộ tài chính công bố tại thời điểm đầu kỳ báo cáo

- Cột 14: Áp dụng tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm cuối kỳ báo cáo

Cơ quan thực hiện: UBND Tỉnh Bình Định

BÁO CÁO TÌNH HÌNH NỢ CỦA UBND TỈNH BÌNH ĐỊNH THEO CHỦ NỢ

Kỳ báo cáo : Từ ngày 01/01/2024 Đến ngày 31/12/2024

Đơn vị: Nguyên tệ

STT	TÊN CHỦ NỢ	Dư nợ đầu kỳ	Dư nợ đầu kỳ quy VND	Dư nợ cuối kỳ	Dư nợ cuối kỳ quy VND	Trong đó, Dư nợ quá hạn cuối kỳ	Dư nợ quá hạn cuối kỳ quy VND
1	2	3	4	5	6	7	8
	Chủ nợ: Ngân hàng thế giới	12.186.244,95	291.482.792.933	11.610.254,68	281.862.152.888		
1	Dự án Vệ sinh môi trường các thành phố duyên hải	288.218,71	6.893.903.298	236.640,42	5.744.919.416		
2	Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)	1.965.739,92	47.018.533.146	1.803.970,80	43.794.999.112		
3	Dự án Xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP)	2.192.540,48	52.443.375.741	2.009.570,46	48.786.342.057		
4	Dự án Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn	7.739.745,84	185.126.980.747	7.560.073,00	183.535.892.303		
	Chủ nợ: Ngân hàng Phát triển Châu Á	3.933.941	94.095.934.061	9.892.054	240.149.406.611		
1	Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số	3.933.940,97	94.095.934.061	9.892.054,48	240.149.406.610,96		
	Tổng dư nợ (quy VNĐ)		385.578.726.994		522.011.559.499	0	
	Hạn mức nợ theo quy định (VNĐ)		4.037.866.000.000				

Ghi chú:

- Cột 4: Áp dụng tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước do Bộ tài chính công bố tại thời điểm đầu kỳ báo cáo

- Cột 6: Áp dụng tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước do Bộ Tài chính công bố tại thời điểm cuối kỳ báo cáo

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN VAY LẠI ODA,
VAY ƯU ĐÃI NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH PHỦ**

Kỳ báo cáo: Từ ngày 01/01/2024 Đến ngày 31/12/2024

I. Thông tin cơ bản:

- Tên Dự án: Môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu Dự án thành phố Quy Nhơn
- Tên Nhà tài trợ: Ngân hàng Thế giới
- Hiệp định vay số: IBRD 8745-VN; IDA 6027-VN
- Thời gian thực hiện dự án: từ năm 2017 đến năm 2022; gia hạn đến 30/6/2024
- 32.731.177 USD; Trong =RC[-1]*R[15]C[1]
- Tỷ lệ vay lại: 100% vốn IBRD (3.076.000 USD); 30% vốn IDA (8.110.911 USD)

II. Tiến độ thực hiện dự án:

1. Lũy kế vốn vay nước ngoài đã giải ngân, chưa giải ngân đến cuối kỳ báo cáo, phân theo vốn cấp phát, vốn vay lại:

TT	Nguồn vốn	Lũy kế vốn vay ODA đã giải ngân tính đến thời điểm báo cáo			Vốn vay ODA còn lại chưa giải ngân đến cuối kỳ báo cáo		
		Cấp phát	Vay lại	Cộng	Cấp phát	Vay lại	Cộng
1	2	3	4	5=3+4	6	7	8=6+7
1	Vốn IBRD	-	2.465.879,69	2.465.879,69		610.120,31	610.120,31
2	Vốn IDA	15.965.296,57	6.842.269,96	22.807.566,53	2.960.162,43	1.268.641,04	4.228.803,47
Tổng cộng		15.965.296,57	9.308.149,65	25.273.446,22	2.960.162,43	1.878.761,35	4.838.923,78

2. Tóm tắt các công việc đã thực hiện của dự án:

Dự án được điều chỉnh có 36 gói thầu và công việc thực hiện, trong đó: Hợp phần 1 có 16 gói thầu (Xây lắp 10 gói, Hàng hóa 02 gói và Tư vấn 04 gói); Hợp phần 2 có 01 gói thầu (Xây lắp); Hợp phần 3 là Công tác Bồi thường, giải phóng mặt bằng; Hợp phần 4 có 23 gói thầu (Tư vấn) và các công việc khác không đấu thầu. Trong đó, Hợp phần 1 và Hợp phần 2 sử dụng vốn ODA và một số gói thầu thanh toán thuế VAT bằng nguồn vốn đối ứng; các hợp phần còn lại sử dụng nguồn vốn đối ứng của Ngân sách tỉnh. Đến nay, dự án đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng và đang trình duyệt quyết toán dự án hoàn thành.

3. Tình hình bố trí và sử dụng vốn đối ứng năm 2024:

Năm 2024, Dự án được phân bổ vốn đối ứng là 8,511 tỷ đồng, đã giải ngân kế hoạch vốn năm 2024 là 7,877 tỷ đồng, đạt 92,55 % so với kế hoạch năm 2024.

4. Tình hình quản lý, sử dụng tài sản của dự án đầu tư: Không.

5. Các vướng mắc trong quá trình triển khai, kiến nghị: Không./.

Cơ quan thực hiện: UBND Tỉnh Bình Định

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN VAY LẠI ODA,
VAY ƯU ĐÃI NƯỚC NGOÀI CỦA CHÍNH PHỦ**
Kỳ báo cáo: từ ngày 01/01/2024 đến ngày 31/12/2024

I. Thông tin cơ bản:

- Tên Dự án: Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM) - Dự án
- Tên Nhà tài trợ: Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB)
- Hiệp định vay số: 4100-VIE
- Thời gian thực hiện dự án: từ năm 2021 đến năm 2026
- Tổng mức đầu tư: 909.049.000.000 đồng
- Tổng số vốn vay: 29.000.000 USD
- Tỷ lệ vay lại: 50% vốn ADB (14.500.000 USD)

II. Tiến độ thực hiện dự án:

1. Lũy kế vốn vay nước ngoài đã giải ngân, chưa giải ngân đến cuối kỳ báo cáo, phân theo vốn cấp phát, vốn vay lại:

ĐVT: USD

TT	Nguồn vốn	Số đã giải ngân tính đến thời điểm		Số còn lại	
		Cấp phát	Vay lại	Cấp phát	Vay lại
	Vốn ADB	9.892.054,48	9.892.054,48	4.607.945,52	4.607.945,52
	Tổng cộng	9.892.054,48	9.892.054,48	4.607.945,52	4.607.945,52

2. Tóm tắt các công việc đã thực hiện của dự án:

Tỉnh Bình Định có 3 hợp phần: (i) Hợp phần 1: Nâng cấp cơ sở hạ tầng giao thông gồm 4 gói thầu xây lắp, trong đó có 1 gói thầu đã hoàn thành (Gói thầu BD-CW01: Nâng cấp tuyến đường ĐT.637 đoạn từ Vĩnh Quang - Thị trấn Vĩnh Thạnh); Gói thầu BD-CW02: Nâng cấp tuyến đường từ hồ Định Bình đến trung tâm xã Vĩnh Sơn; Gói thầu BD-CW04: Nâng cấp tuyến đường liên xã An Hưng đến Tam Quan, huyện Hoài Nhơn và Gói thầu BD-CW03: Nâng cấp tuyến đường thôn Hiệp Hưng, xã Canh Hiệp đến làng Canh Tiến, xã Canh Liên, huyện Vân Canh đang trong quá trình thực hiện; (ii) Hợp phần 2: Cải thiện cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nhằm hỗ trợ phát triển cho đồng bào dân tộc thiểu số bao gồm gói thầu BD-CW05: Xây dựng hệ thống cấp nước cho đồng bào dân tộc thiểu số huyện An Lão) dự kiến hoàn thành vào tháng 01/2025; Hợp phần 3: Nâng cấp công nghệ và hệ thống phân tích rủi ro thiên tai hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng bền vững thích ứng biến đổi khí hậu, đang ở bước triển khai thực hiện, sử dụng vốn viện trợ không hoàn lại.

3. Tình hình bố trí và sử dụng vốn đối ứng: Được bố trí đầy đủ theo nhu cầu của dự án

4. Tình hình quản lý, sử dụng tài sản của dự án đầu tư: Thực hiện theo đúng các Nghị định, thông tư quy định hiện hành.

5. Các vướng mắc trong quá trình triển khai, kiến nghị: Không